

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2022/HS-PT

Ngày: 31-8-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thiện Tâm

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Quán  
Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 31 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 102/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 06 năm 2022 đối với bị cáo Lê Văn S, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và kháng cáo của người bị hại bà Lê Thị U đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 29 tháng 04 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**- Bị cáo bị kháng cáo và kháng nghị:**

**Lê Văn S**, sinh năm 1996 tại Long An. Nơi cư trú: Ấp A.H, xã A.N.Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê V S, sinh năm 1978 (đã chết) và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1977; vợ Trần Kim M, sinh năm 1999 và 01 người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**- Người bị hại kháng cáo:** Bà Lê Thị U, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp A.H, xã A.N.Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. (Có mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại:** Luật sư Thái Hoàng D – Thành viên Đoàn luật sư tỉnh Long An. (Có mặt)

**Những người tham gia tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không triệu tập:**

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Trần Kim M, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp L.T, xã L.G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. Huỳnh Thị N, sinh năm 1974.

3. Lê Văn Th, sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ: Ấp A.H, xã A.N.Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

4. Trần Minh H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp L.T, xã L.G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:*

1. Lê V Th, sinh năm 1973.

2. Lê V T, sinh năm 1988.

3. Phan Văn V, sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ: Ấp A.H, xã A.N.Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn với nhau từ trước giữa bà Huỳnh Thị N là mẹ ruột của bị cáo Lê Văn S với bà Lê Thị U là cô ruột của bị cáo. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 06-4-2021, S điều khiển xe mô tô biển số 62P1-035.82 chở bà N đi, còn Trần Kim M là vợ của bị cáo thì đi bộ, mục đích để đi tìm gặp bà U để nói chuyện giải quyết mâu thuẫn với nhau. Khi S điều khiển xe đi ngang qua nhà của bà Phan Thị Q thì thấy bà U đang có mặt tại nhà của bà Q, nên S kêu bà U ra ngoài sân nói chuyện. Sau đó, hai bên xảy ra cự cãi với nhau, bà U nhặt lấy 01 cây cào cỏ (Cán dài bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại) có tại bên hông nhà của bà Q cầm trên hai tay đi lại để đánh S và bà N nhưng bị bà Q và ông Phan Văn V can ngăn, giật lại cây cào cỏ. Lúc này, S lấy 01 cây dùi cui (bằng kim loại dài 62 cm, loại 3 khúc được lồng vào nhau) cất giấu sẵn trong cốp xe cầm trên tay phải đi lại đứng đối diện với bà U đánh 01 cái theo hướng từ trên xuống trúng vào vùng trán phía bên trái của bà U gây thương tích làm bà U té ngã xuống đất. M cũng lấy 01 cục gạch ống ở trước nhà bà Q cầm trên tay phải đưa ra phía sau lưng rồi ném bỏ ở ven đường. Lúc này, có ông Lê V Th, ông V đến can ngăn S và bà U. Bà U tiếp tục nhặt lấy 01 đoạn thước nhôm màu trắng (loại thước thợ hồ dùng xây nhà) có tại phía trước nhà bà Q đi lại đánh 01 cái trúng tay trái của M gây thương tích nhẹ. Sau đó, ông Lê Văn Th và ông Lê V Th đến can ngăn, bà U được người thân đưa đi cấp cứu điều trị vết thương. Ngày 09-4-2021, bà U có đơn yêu cầu xử lý hành vi của S theo quy định pháp luật.

Vật chứng vụ án thu giữ gồm: 01 cục gạch ống loại 04 lỗ, kích thước 18cm x 5,5cm; 01 con dao tự chế; 01 cây dùi cui bằng kim loại (hình trụ dài 62 cm, gồm 3 đoạn được lồng vào nhau. Trong đó: đoạn tay cầm dài 23 cm có vỏ màu đen, đoạn giữa dài 20 cm màu trắng, đoạn ngoài cùng dài 19 cm màu trắng có gắn một ốc vặn tròn).

Tại Bản kết luận Giám định Pháp y về thương tích số 116/TgT.21-PY ngày 24-6-2021 của Trung tâm Pháp y – Sở y tế tỉnh Long An, kết luận thương tích của bà Lê Thị U như sau:

- Dấu hiệu chính qua giám định: 01 sẹo vết thương vùng trán trái, lành tốt kích thước 03cm x 0,3cm không dấu thần kinh khu trú. Vùng cằm phải không còn dấu sưng bầm.

- Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28-8-2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Lê Thị U là 06% (Không sáu phần trăm).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 29 tháng 04 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

Xử phạt bị cáo Lê Văn S 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Về tang vật chứng: Căn cứ vào các Điều 46 và 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cây dùi cui bằng kim loại hình trụ dài 62 cm, gồm 03 đoạn được lồng vào nhau (đoạn tay cầm dài 23 cm có vỏ màu đen, đoạn giữa dài 20 cm màu trắng, đoạn ngoài cùng dài 19 cm màu trắng có gắn một ốc vặn tròn) và 01 cục gạch ống loại 4 lỗ.

- Trả lại cho ông Lê Văn Th 01 con dao tự chế.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Lê Văn S nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 313.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chế định án treo, trách nhiệm dân sự và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 06-5-2022, bị hại bà Lê Thị U kháng cáo không cho bị cáo Lê Văn S được hưởng án treo.

Ngày 12-5-2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ban hành Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKSĐH, kháng nghị một phần đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 29 tháng 04 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo hướng đề nghị cấp phúc thẩm xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về: Áp dụng pháp luật đối với tội

danh của bị cáo; không áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, không cho bị cáo hưởng án treo; áp dụng pháp luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng không đúng và sửa án phí dân sự sơ thẩm do cấp sơ thẩm tính không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên kháng nghị.

- Người bị hại bà Lê Thị U vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà U xác định có mâu thuẫn tranh chấp về đất đai với gia đình của bị cáo và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết. Ngày 06-4-2021, bà không đến nhà của mẹ bị cáo gây chuyện như bị cáo trình bày tại các phiên tòa.

- Bị cáo S xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội danh và mức hình phạt như trên là không oan cho bị cáo. Bị cáo cung cấp thêm biên lai nộp tiền khắc phục xong phần trách nhiệm dân sự đối với bị hại tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Đối với kháng cáo của bị hại và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo và kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng: Bị hại Lê Thị U và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thực hiện kháng cáo và kháng nghị đúng quy định của pháp luật, nên được Tòa án nhân dân tỉnh Long An chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung vụ án: Lời khai nhận của bị cáo và bị hại tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lê Văn S bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo. Tuy nhiên:

- Về áp dụng pháp luật và quyết định hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm: Cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo S 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo là không phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi, hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ, nhưng án sơ thẩm không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã truy tố là không đúng quy định của pháp luật. Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất côn đồ, nên không áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo.

- Về phần xử lý vật chứng, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 là không đúng, do thời điểm xét xử vụ án thì Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2021 đã có hiệu lực, nên cần phải áp dụng điều luật quy định trong Bộ luật Tố tụng hình

sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021 để xử lý vật chứng mới đúng quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm tính án phí thừa 1.500 đồng là gây bất lợi cho bị cáo.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1, các điểm a và d khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa và kháng cáo của người bị hại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xem không áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo S như án sơ thẩm nhận định và áp dụng. Bị cáo S không phải là lao động duy nhất trong gia đình, bị cáo còn có mẹ và vợ đang trong độ tuổi lao động. Ngoài ra, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết có một phần lỗi của người bị hại trong trường hợp này là không chính xác, vì mâu thuẫn ở đây là giữa mẹ bị cáo với bà U chứ không phải là mâu thuẫn giữa bị cáo và bà U. Luật sư thống nhất với quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về việc áp dụng hai tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a và i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không cho bị cáo hưởng án treo.

Phản tranh luận: Bị cáo và bị hại không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại Lê Thị U kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An kháng nghị đúng quy định của pháp luật tại các Điều 332, 333, 336 và 337 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Tòa án nhân tỉnh Long An thụ lý, xét xử theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và kháng nghị về áp dụng pháp luật đối với tội danh của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo S khai nhận: Bà Lê Thị U bị tổn thương cơ thể là 06%, theo Kết luận Giám định Pháp y về thương tích số 116/TgT.21-PY ngày 24-6-2021 của Trung tâm Pháp y – Sở y tế tỉnh Long An kết luận, là do bị cáo gây ra. Nguyên nhân, do mâu thuẫn về tranh chấp đất đai giữa bà U với mẹ ruột bị cáo đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét giải quyết. Nhưng bà U thường xuyên đến nhà mẹ ruột của bị cáo gây chuyện dùng lời lẽ không hay xúc phạm đối với mẹ của bị cáo và dùng đồ vật bên ngoài ném vào nhà mẹ của bị

cáo. Tương tự, sáng ngày 06-4-2021, bị cáo cùng mẹ bị cáo đã đến Công xã trình báo sự việc và đến chiều cùng ngày thì bà U vẫn tiếp tục đến gây chuyện, bị cáo đi làm về và nghe mẹ của bị cáo nói lại. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo điều khiển xe mô tô chở bà N là mẹ của bị cáo, còn vợ của bị cáo đi bộ nhằm đến nhà của bà U để nói chuyện giải quyết mâu thuẫn với nhau. Trên đường đi, thì gặp bà U tại nhà của bà Phan Thị Q thuộc ấp A.H, xã A.N.Đ, huyện Đức Hòa. Bị cáo kêu bà U ra ngoài sân để nói chuyện, hai bên có lời lẽ qua lại với nhau, bà U dùng cây cào cỏ (Cán dài bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại) đánh về hướng bị cáo và mẹ của bị cáo N cái, nhưng không trúng vào người. Do không kiềm chế được bản thân, nên bị cáo chạy lại mở cốp xe lấy cây dùi cui ra để đánh lại bà U một cái gây thương tích ở vùng trán và được mọi người can ngăn. Xét, lời khai nhận của bị cáo và người bị hại có một phần phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nội dung án sơ thẩm đã nêu.

Xét người bị hại bà U chỉ bị thương tích 06%, nhưng do bị cáo đã dùng cây dùi cui là loại hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người bị hại là thuộc trường hợp định khung được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự và bà U có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo. Việc bị cáo gây thương tích cho người bị hại là có nguyên nhân mâu thuẫn trước đó và tại thời điểm bị gây thương tích, người bị hại cũng có một phần lỗi, nên hành vi nêu trên của bị cáo không thể hiện tính côn đồ, là tình tiết định tội quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa đã truy tố bị cáo.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự, là xét xử đúng người, đúng tội. Vì vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa về áp dụng pháp luật đối với tội danh của bị cáo S là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị hại và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa về phần áp dụng hình phạt đối với bị cáo:

Xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ. Bị cáo có N tình tiết giảm nhẹ như trên, nhưng khi lượng hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức án 01 năm tù là quá khiêm khắc, mặc dù bị cáo không có kháng cáo, nhưng cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm trong lượng hình phạt khi xét xử về sau.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm biên lai đã khắc phục xong toàn bộ phần trách nhiệm dân sự đối với bị hại tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, đây là tình tiết mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, hiện đang có việc làm ổn định và có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, nên việc cho bị cáo được hưởng án treo như án sơ thẩm đã áp dụng cũng có tác dụng

giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Vì vậy, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa và kháng cáo của người bị hại về việc không cho bị cáo hưởng án treo.

[4] Đối với kháng nghị về áp dụng pháp luật trong xử lý vật chứng và án phí dân sự, thấy:

[4.1] Cấp sơ thẩm áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng là không phù hợp. Bởi lẽ, thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án thì Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12-11-2021, nên cấp phúc thẩm cần sửa nội dung này cho đúng với quy định của pháp luật. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này là có căn cứ để chấp nhận.

[4.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo S phải chịu là 312.000 đồng, nhưng án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải chịu là 313.500 đồng là không đúng, gây bất lợi cho bị cáo, nên cấp phúc thẩm sửa lại phần án phí sơ thẩm mà bị cáo S phải nộp theo đúng pháp luật. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Từ những căn cứ trên, xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An có căn cứ để được chấp nhận một phần; kháng cáo của người bị hại không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại phiên tòa về giải quyết vụ án có căn cứ chấp nhận một phần. Những ý kiến, quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại là không có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng nghị, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về xử lý vật chứng và án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Người bị hại bà Lê Thị U phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Các điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Lê Thị U.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số

39/2022/HS-ST ngày 29 tháng 04 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về phân áp dụng pháp luật trong xử lý vật chứng và án phí dân sự sơ thẩm. Giữ nguyên về hình phạt đối với bị cáo Lê Văn S.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2, Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo Lê Văn S 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29-4-2022.

Giao bị cáo Lê Văn S cho Ủy ban nhân dân xã A.N.Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Lê Văn S có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Trường hợp bị cáo Lê Văn S thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cây dùi cui bằng kim loại hình trụ dài 62 cm, gồm 3 đoạn được lồng vào nhau (đoạn tay cầm dài 23 cm có vỏ màu đen, đoạn giữa dài 20 cm màu trắng, đoạn ngoài cùng dài 19 cm màu trắng có gắn một ốc vặn tròn) và 01 cục gạch ống loại 04 lỗ.

- Trả lại cho ông Lê Văn Th 01 con dao tự chế.

4. Về trách nhiệm dân sự: Tiếp tục tạm giữ số tiền theo Biên lai thu số 0002518 ngày 08-8-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Văn S nộp 312.000 đồng án phí sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn S không phải chịu án phí. Buộc người bị hại bà Lê Thị U phải chịu 200.000 đồng án phí.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.



**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TPHCM (01);
- VKSNDCC tại TPHCM (01);
- VKSND tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- TAND huyện Đức Hòa (02);
- VKSND huyện Đức Hòa (01);
- CQĐT Công an huyện Đức Hòa (01);
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa (01);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thiện Tâm**